

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 467/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đ (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Tấn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Lê Tấn T tự nguyện tìm hiểu khoảng hơn 01 tháng thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố V vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2016, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm với vợ con, mọi công việc trong gia đình đều do bà quán xuyến, chăm lo chứ ông T không hề phụ giúp bà bất cứ công việc gì. Ngoài ra, ông T còn thường xuyên tụ tập bạn bè cờ bạc, nhậu nhẹt. Bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T không nghe còn có hành vi đánh đập bà. Cuối tháng 8 năm 2016, bà và ông

T xảy ra mâu thuẫn về công việc làm ăn và ông T có hành vi đánh bà nên bà đưa con gái về Kiên Giang sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 09-02-2011. Bà có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Lê Tấn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn T có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Tấn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Tấn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T thì thấy: Theo bà T nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm với vợ con, mọi công việc trong gia đình đều do bà quán xuyến, chăm lo chứ ông T không hề phụ giúp bà bất cứ công việc gì. Ngoài ra, ông T còn thường xuyên tụ tập bạn bè cờ bạc, nhậu nhẹt. Bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T không nghe còn có hành vi đánh đập bà.

Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối tháng 8 năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo xác minh tại địa phương thì đại diện Thôn B, xã L cho biết: Năm 2010, bà Nguyễn Thị T và ông Lê Tấn T đăng ký kết hôn và chung sống với nhau tại Tổ 4, Thôn B, xã L, thành phố Vũng Tàu. Năm 2016, vợ chồng bà T và ông T có xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhưng nguyên nhân cụ thể là vấn đề gì thì đại diện Thôn 2 không nắm rõ. Cuối năm 2016, bà T đã đưa cháu Lê Nguyễn Ngọc N đi nơi khác sinh sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay.

Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng đối với ông T, hai bên đã sống ly thân từ cuối tháng 8 năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Tấn T có 01 con chung là Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 09-02-2011. Bà T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Lê Tấn T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Lê Tấn T.
2. Về con chung: Bà T và ông T có 01 (một) con chung là Lê Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 09-02-2011. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Ngọc N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001887 ngày 17-6-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Sơn, Tp. Vũng Tàu
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hương